

Với bộ giải vở bài tập Sinh học lớp 7 Bài 31: Cá chép có lời giải chi tiết, dễ hiểu được biên soạn bởi đội ngũ chuyên gia giàu kinh nghiệm chia sẻ. Hy vọng đây là nguồn thông tin hay để phục vụ công việc học tập của học sinh tốt hơn. Mời các em học sinh cùng tham khảo.

Giải VBT Sinh học lớp 7 Bài 31: Cấu tạo ngoài trang 72

Giải trang 72 VBT Sinh học 7

Quan sát hình 31.1, đọc bảng 31.1 (SGK) giữ lại câu trả lời đúng nhất dưới đây được xếp theo từng cặp ở cột (2) của bảng 1.

Những câu lựa chọn để điền:

A: Giúp cho thân cá cử động dễ dàng theo chiều ngang

B: Giảm sức cản của nước

C: Màng mắt không bị khô

D: Dễ dàng phát hiện ra con mồi và kẻ thù

E: Giảm sự ma sát giữa cá với môi trường nước

G: Có vai trò chính như bơi chèo

Trả lời:

Bảng 1. Đặc điểm cấu tạo ngoài của cá thích nghi với đời sống bơi lội

Đặc điểm cấu tạo ngoài Sự thích nghi

1. Thân cá chép thon dài, đầu thuôn nhọn gắn chặt với thân	A, B → B
2. Mắt cá không có mi, màng mắt tiếp xúc trực tiếp với môi trường nước	C, D → C
3. Vây cá có da bao bọc; trong da có nhiều tuyến tiết chất nhầy	E, B → E
4. Sự sắp xếp vây cá trên thân khớp với nhau như hình ngói lợp	A, E → A
5. Vây cá có các tia vây được căng bởi da mỏng, khớp động với thân	A, G → G

Giải vở bài tập Sinh học 7 Bài 31: Câu hỏi trang 73

Câu 1 (trang 73 VBT Sinh học 7):

Nêu những điều kiện sống và đặc điểm sinh sản của cá chép.

Trả lời:

- Cá chép ưa các vực nước lợ (ao, hồ, ruộng, sông, suối,...), chúng ăn tạp (giun, ốc, ấu trùng côn trùng và thực vật thủy sinh...). Nhiệt độ cơ thể phụ thuộc vào nhiệt độ môi trường, vì cá chép là động vật biến nhiệt.

- Sinh sản: Mỗi lần cá chép cái đẻ 15 - 20 vạn trứng vào các cây thủy sinh. Cá chép đục bơi theo tưới tinh dịch chứa tinh trùng thụ tinh cho trứng (thụ tinh ngoài). Trứng được thụ tinh phát triển thành phôi, rồi thành cá con.

Câu 2 (trang 73 VBT Sinh học 7):

Trình bày cấu tạo ngoài của cá chép thích nghi với đời sống ở nước.

Trả lời:

Thân cá chép hình thoi dẹp, mắt không có mi mắt, thân phủ vảy xương tì lên nhau như ngói lợp; bên ngoài vảy có một lớp da mỏng, có tuyến tiết chất nhày. Vây có những tia vây được căng bởi lớp da mỏng, khớp động với thân. Đó là những đặc điểm giúp cá bơi lội nhanh trong nước.

Câu 3 (trang 73 VBT Sinh học 7):

Vì sao số lượng trứng trong mỗi lứa đẻ của cá chép lên đến hàng vạn?

Trả lời:

Trong sự thụ tinh ngoài ở môi trường nước, tỉ lệ tinh trùng gặp trứng rất thấp. Mặt khác, trứng được thụ tinh phát triển trong môi trường có nhiều trắc trở (bị cá khác ăn, nhiệt độ, nồng độ ôxi thấp...). Vì vậy, cá phải thích nghi với lối đẻ nhiều trứng, để có nhiều cá con sống sót và phát triển thành cá lớn.

Câu 4 (trang 73 VBT Sinh học 7):

Chức năng của từng loại vây cá. Điền kí hiệu các câu trả lời đã gợi ý trong SGK vào bảng sau sao cho phù hợp.

Trả lời:

Bảng 2. Vai trò các loại vây cá

Trình tự thí nghiệm	Loại vây được cố định	Trạng thái của cá thí nghiệm	Vai trò của từng loại vây cá
1	Cố định khúc đuôi và vây đuôi bằng hai tấm nhựa	Cá không bơi được chìm xuống đáy bể	Khúc đuôi và vây đuôi có vai trò giúp cho cá bơi
2	Tất cả các loại vây đều bị cố định trừ vây đuôi	Cá bị mất thăng bằng hoàn toàn. Cá vẫn bơi được nhưng thường bị lộn ngược bụng lên trên (tư thế cá chết)	Các loại vây có vai trò giữ thăng bằng, vây đuôi có vai trò chính trong sự di chuyển
3	Vây lưng và vây hậu môn	Bơi nghiêng ngả, chệch choạng theo hình chữ z, không giữ được hướng bơi	Giữ thăng bằng theo chiều dọc
4	Hai vây ngực	Cá rất khó duy trì được trạng thái cân bằng. Bơi sang phải, trái hoặc lên mặt nước hay xuống mặt nước rất khó khăn	Vây ngực cũng có vai trò rẽ phải, trái, lên, xuống và giữ thăng bằng, quan trọng hơn vây bụng
5	Hai vây bụng	Cá chỉ hơi mất thăng bằng, bơi sang phải, trái, lên và xuống hơi khó khăn	Vây bụng có vai trò rẽ phải, trái, lên, xuống và giữ thăng bằng